

Số: 893/2020/QST - HNG^Q

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TẠI PHIÊN TÒA TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

Với Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phúc Tuấn

2. Ông Nguyễn Cao Biên

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 733/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/10/2020.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án; Thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 23/6/1987; Có mặt.

Hộ khẩu thường trú: thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; chỗ ở và tạm trú hiện tại: VP4 Đ, phường H, quận M, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: anh Nguyễn Đắc K, sinh ngày 26/4/1984; Có mặt.

Hộ khẩu thường trú: thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; chỗ ở và tạm trú hiện tại: L0814 Chung cư C, phường Y, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về tình cảm:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Đắc K.

2.2. *Về con chung:* Vợ chồng chị T và anh K có hai con chung là: cháu Nguyễn Đắc Anh K, sinh ngày 23/6/2011 và cháu Nguyễn Đắc Hoàng N, sinh ngày 08/5/2016

Ghi nhận sự tự nguyện của anh K và chị T: Giao cháu Nguyễn Đắc Anh K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Đắc Hoàng N cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng; kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu K, N đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh K và chị T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: anh K và chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung, nên Tòa án không xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung vợ chồng: anh K và chị T cùng thống nhất xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh, chị không có khoản vay nợ nào chung và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ, nên Tòa án không xét, giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, chị T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009684 ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÀO DUY VƯƠNG